TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN H, TP.H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 564/2019/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 31 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 849 /2019/TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 12năm 2019, giữa:

Người yêu cầu: Anh Điền Anh T sinh năm 1980

HKTT và trú tại: P2001, Tòa nhà T chung cư cao tầng CT7, khu đô thị mới phường D, quận Đ, TP.H

Và Chị Nguyễn Thị Hoàng A sinh năm 1983

HKTT: P35 H5 tập thể N, phố P, quận H, Tp.H.

Trú tại: P409 H5 tập thể N, phố P, quận H, Tp.H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 2 Điều 149 Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Khoản 1 Điều 36, Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Điền Anh T – sinh năm 1980

Chị Nguyễn Thị Hoàng A – sinh năm 1983

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Anh Điền Anh T và chị Nguyễn Thị Hoàng A cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nhất trí cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung:

Điền Hà B, sinh ngày 24/03/2018.

Hiện tại sức khỏe con chung bình thường, phát triển tốt

Khi ly hôn giao chị Hoàng A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền qua lại, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thống nhất, anh T thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/ tháng (ba triệu đồng) kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản và nhà ở chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết. Nên Tóa án không xét.

2.5. Về nợ chung: Hai bên xác nhận không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết. Nên Tòa án không xét.

2.6. Về lệ phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng lệ phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/000xxxx ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường P, quận H, TP.H;
(Giấy chứng nhận kết hôn số xxx//2017 ngày 11 tháng 12 năm 2017)
- Chi cục thi hành án quận H
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM XUÂN THỦY